

Bản án số: 205/2022/DS - PT

Ngày : 17/6 /2022

V/v: T/c Chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Vũ Viết văn

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên chính
Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2021/TLPT - DS ngày 12/11/2021 về việc “Tranh chấp Chia thừa kế”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS - ST ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2021/QĐ - PT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. **Bà Phạm Thị Bắc**, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

2. **Bà Phạm Thị Phương**, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

3. **Bà Phạm Thị Tiệp**, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: **Ông Phạm Đăng Nam**, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nam là anh Phạm Quang Dũng, sinh năm 1986; Cùng trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nam: Ông Lê Văn Công và ông Lê Duy Hà – Luật sư, Văn phòng luật sư Lê Công, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: **Ông Phạm Hữu Tuynh**, sinh năm 1964; Trú tại: Số 7, ngõ 92 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tuynh: Ông Lưu Văn Minh, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 19, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **Ông Phạm Đăng Dụ**, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

2. **Bà Phạm Thị Luyện**, sinh năm 1966; trú tại: Số 134/17 đường Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Luyện là bà Phạm Thị Bắc

3. **Anh Phạm Đăng Tiến**, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

4. **Anh Phạm Đăng Quân**, sinh năm 1981; trú tại: Trường May Lê Chi, thôn Cổ Giang, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

5. **Bà Nguyễn Thị Lịch**, sinh năm 1961.

6. **Anh Phạm Quang Dũng**, sinh năm 1986.

7. **Chị Phạm Thu Hiền**, sinh năm 1984.

8. **Chị Lê Thị Hường**, sinh năm 1992.

Cùng trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Đăng Dũng, chị Lê Thị Hường và chị Phạm Thị Hiền: Ông Lê Văn Công và ông Lê Duy Hà – Luật sư, Văn phòng luật sư Lê Công, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

9. **Bà Phạm Thị Hương**, sinh năm 1960.

10. **Bà Phạm Thị Dẫn**, sinh năm 1961.

11. **Ông Phạm Đăng Chuyên**, sinh năm 1965.

12. **Ông Phạm Đăng Lập**, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: Thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;

13. **Bà Trần Thị Nhuận**, sinh năm 1957.

14. **Anh Phạm Xuân Bách**, sinh năm 1986.

15. **Anh Phạm Đăng Thảo**, sinh năm 1995.

Cùng trú tại: Thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;

16. **Anh Nguyễn Tiến Đạt**, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 29, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

17. **Chị Nguyễn Bích Huệ**, sinh năm 1983; trú tại: P1502, CT1 Khu chung cư HuynDai, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tiến Đạt là chị Nguyễn Bích Huệ.

18. **Anh Trần Lê Thuận**, sinh năm 1984.

19. **Chị Mai Thị Mỹ Hạnh**, sinh năm 1983.

Cùng ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Tổ dân phố Thành Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

(Bà Bắc, bà Phương, bà Tiệp, anh Dũng, anh Minh, anh Công có mặt tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Tiệp, ông Phạm Đăng Nam kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai của các đồng Nguyên đơn trình bày tại Tòa án như sau:*

Bố chúng tôi là cụ Phạm Đăng Càng, mẹ chúng tôi là cụ Nguyễn Thị Cỏn. Cụ Càng chết năm 1973 không để lại di chúc, cụ Cỏn chết năm 2004 không để lại di chúc. Sinh thời bố mẹ chúng tôi sinh được 08 người con: 1. Anh Phạm Đăng Việt, sinh năm 1952 (chết năm 1984); 2. Anh Phạm Đăng Nam, sinh năm 1954; 3. Chị Phạm Thị Bắc, sinh năm 1957; 4. Chị Phạm Thị Phương, sinh năm 1959; 5. Anh Phạm Đăng Dụ, sinh năm 1962; 6. Chị Phạm Thị Luyện, sinh năm 1966; 7. Chị Phạm Thị Tiệp, sinh năm 1970; 8. Anh Phạm Đăng Thành, sinh năm 1972, (chết năm 1990).

Trước khi chết năm 2004, mẹ chúng tôi là cụ Nguyễn Thị Cỏn có thừa đất tại thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích 422m². Tại thời điểm mẹ chúng tôi còn sống, anh Phạm Đăng Nam đã tự ý làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình.

Vào ngày 08/9/2004, mẹ chúng tôi cùng toàn thể các con để đã họp gia đình lại và đi đến thống nhất như sau: Anh Phạm Đăng Nam được hưởng ½ trong tổng diện tích 422m², tức anh Nam được 211m²; còn 4 chị em gồm Bắc, Phương, Luyện, Tiệp chung nhau hưởng 211m² còn lại. Ngày 12/10/2004, chính anh Phạm Đăng Nam đã làm đơn gửi ông trưởng thôn Giao Tất A, Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn đề nghị các cơ quan Nhà nước tách thành 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) như đã thống nhất trong buổi họp gia đình: Một sổ 211m² cho anh Nam, một sổ 211m² cho 4 chị em: Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện, Phạm Thị Tiệp.

Tuy nhiên, sau đó anh Nam đã từ chối tách thửa đất cho chị em chúng tôi. Sau khi mẹ qua đời, chúng tôi đã nhiều lần đề nghị anh Nam tách sổ và giao 211m² đất cho chị em chúng tôi, tránh phiền phức sau này nhưng anh Nam từ chối, thách thức chúng tôi. Chúng tôi khẳng định trước khi qua đời, mẹ chúng tôi có để lại khối tài sản 422m² đất ở tại thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn; thửa đất này hiện nay do anh trai chúng tôi là Phạm Đăng Nam đang sử dụng. Mẹ chúng tôi không để lại di chúc. Do vậy, chúng tôi khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm: Chia di sản thừa kế 422m² của mẹ tôi (cụ Nguyễn Thị Cỏn) để lại tại thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của mẹ các bà là cụ Nguyễn Thị Cỏn để lại. Nếu trong trường hợp Giấy di chúc trên không được chấp nhận thì các bà đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Cỏn để lại theo pháp luật.

** Bị đơn - ông Nguyễn Đăng Nam và người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng như sau:*

Thông nhất với các đồng Nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình. Ông trình bày, ngoài vợ cả và là vợ chính thức là cụ Cỏn; bố ông còn có vợ thứ hai là cụ Nguyễn Thị Khí, chết năm 1986 ở thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Bố ông và cụ Khí sinh được 05 người con gồm: Bà Phạm Thị Hương, bà Phạm Thị Dẫn, ông Phạm Đăng Dị, ông Phạm Đăng Chuyên và ông Phạm Đăng Lập. Ông Dị đã chết, có vợ là bà Trần Thị Nhuận và 02 con là Phạm Xuân Bách và Phạm Đăng Thảo.

Về nguồn gốc 422m² đất là đất giãn dân do Nhà nước cấp năm 1976 cho cả hộ gia đình gồm cụ Cỏn và các con. Khi cấp không rõ diện tích đất là bao nhiêu m² đến khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông thì thể hiện là 422m² đất. Đến năm 1983, ông xây dựng gia đình thì cụ Cỏn đã phân chia đất cho các con trai bằng miệng mà không hề lập văn bản, giấy tờ gì. Thửa đất 422m² cụ Cỏn chia cho ông ½ và ông Thành lúc đó chưa lập gia đình ½ diện tích đất. Sau khi được chia đất, vợ chồng ông đã xây nhà cấp 4 để ở cùng công trình phụ, chuồng chăn nuôi. Năm 1992, sau khi ông Thành chết, vợ chồng ông xây 01 nhà mái bằng khoảng 50-60m² trên ½ diện tích đất được chia. Sau này, cụ Cỏn đã tuyên bố miệng cho anh Dũng là con trai của ông phần đất của ông Thành và không có giấy tờ gì. Gia đình ông ở và đóng thuế đất từ đó cho đến nay.

Nay, các đồng Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Cỏn để lại ông không đồng ý vì khi còn sống mẹ ông đã phân chia đất đai cho các con và tất cả đều đã xây nhà ở ổn định rồi nên cũng không còn gì để chia nữa. Các bà Bắc, Phương, Tiệp là con gái đã đi lấy chồng, theo chồng nên không còn quyền lợi

gì. Đối với việc Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông là đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Phạm Hữu Tuynh và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 13/9/2019, ông Tuynh ký hợp đồng đặt cọc để thực hiện việc chuyển nhượng một phần diện tích đất ($160m^2$) tại thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, trong tổng diện tích $422m^2$ tại thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội với ông Phạm Đăng Nam, bà Nguyễn Thị Lịch và các con ông Nam, bà Lịch tại Văn phòng công chứng Gia Lâm (số công chứng 4049/2019/HĐDC; quyền số 01/TP/CC-CC/HĐGD ngày 13/9/2019) với giá là 2.700.000.000đồng.

Thực hiện hợp đồng đặt cọc trên, ngày 11/9/2019, ông Tuynh nhờ ông Lưu Văn Minh chuyển trực tiếp vào tài khoản của anh Phạm Quang Dũng (con trai ông Phạm Đăng Nam) tại Ngân hàng TPBank số tiền là 1.600.000.000đ. Thực tế, ông Tuynh đã đưa cho gia đình ông Nam 1.700.000.000đ (trong đó nộp vào Ngân hàng 1.660.000.000đ; 40.000.000đ tiền mặt gia đình ông Nam giữ). Số tiền còn lại là 1.100.000.000đ bản thân ông Tuynh sẽ có trách nhiệm thanh toán nốt cho gia đình ông Phạm Đăng Nam sau khi gia đình ông Nam hoàn thành các thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bàn giao mặt bằng tại thực địa, đăng ký biến động quyền sử dụng đất để sang tên cho ông Tuynh vào ngày 12/10/2019.

Nay, ông Tuynh được biết Tòa án Gia Lâm đang thụ lý giải quyết vụ án Tranh chấp chia thừa kế giữa các đồng Nguyên đơn là bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Tiệp với Bị đơn là ông Phạm Đăng Nam nên việc mua bán một phần diện tích đất trên của ông Tuynh với gia đình ông Nam đến nay không thực hiện được. Ông Tuynh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan có yêu cầu độc lập và đề nghị cụ thể như sau:

- Buộc gia đình ông Phạm Đăng Nam tiếp tục thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng đặt cọc theo hợp đồng công chứng 4049/2019/HĐDC; quyền số 01/TP/CC/HĐGD ngày 13/9/2019 tại Văn phòng công chứng Gia Lâm.

- Nếu gia đình ông Phạm Đăng Nam không thực hiện đúng hợp đồng đặt cọc thì đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Phạm Đăng Nam phải trả đủ số tiền mà ông đã đặt cọc là 1.660.000.000đ. Thực tế là 1.700.000.000đ.

** Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng, chị Phạm Thu Hiền, chị Lê Thị Hương trình bày:* Thống nhất với ý kiến của ông Nam. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bà Bắc, Phương, Tiệp.

** Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Hương, bà Phạm Thị Dẫn, ông Phạm Đăng Chuyên, ông Phạm Đăng Lập, bà Trần Thị Nhuận, anh Phạm Xuân Bách, anh Phạm Đăng Thảo trình bày:*

Về quan hệ huyết thống giữa cụ Càng và cụ Khí đúng như Bị đơn trình bày.

Về nguồn gốc tài sản chung của cụ Càng và cụ Cỏn: Các đương sự trên không nắm được và cũng không liên quan gì đến cụ Khí. Nay, các đồng Nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Cỏn, các đương sự trên xác định không có liên quan gì đến việc tranh chấp chia thừa kế này và không có yêu cầu độc lập gì đối với vụ án này.

** Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Bích Huệ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tiến Đạt trình bày:*

Năm 2010, chị và em trai là Nguyễn Tiến Đạt có mua một mảnh đất với diện tích 53,5m² của gia đình ông Nam và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đạt. Sau đó, do không có nhu cầu ở nên chị và em trai đã nhượng lại thửa đất trên cho vợ chồng anh Thuận, chị Hạnh và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Chi nhánh Gia Lâm xác nhận. Nay gia đình ông Nam xảy ra tranh chấp chia thừa kế, anh chị không có liên quan gì vì việc mua bán là hợp pháp và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc mua bán đúng quy định của pháp luật.

** Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan - anh Trần Lê Thuận và chị Mai Thị Mỹ Hạnh trình bày:*

Tháng 4/2011, vợ chồng anh chị được sự giới thiệu đã mua mảnh đất của anh Nguyễn Tiến Đạt với giá 20,1 triệu đồng/m² với diện tích 53,5m². Anh chị thực hiện việc mua bán đúng pháp luật, ra Phòng công chứng và Phòng tài nguyên môi trường để thực hiện việc sang tên, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Trần Lê Thuận. Nay, xảy ra việc tranh chấp của gia đình ông Nam, anh chị không biết, không liên quan. Mong pháp luật bảo vệ quyền lợi của gia đình anh chị.

** Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Bắc phát biểu quan điểm và đề nghị:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Nguyễn Thị Cỏn để lại.

** Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan phát biểu quan điểm và đề nghị:* Bác yêu cầu khởi kiện của các đồng Nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương và Phạm Thị Tiệp (Tập) đối với ông Phạm Đăng Nam.

2. Xác định Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Nguyễn Thị Cỏ để lại hợp pháp một phần.

3. Cụ Nguyễn Thị Cỏ chết ngày 20/10/2004; thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Cỏ để lại là ngày 20/10/2004. Những người thừa kế theo di chúc của cụ Cỏ gồm: Ông Phạm Đăng Nam, bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp (Tập).

4. Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị Cỏ để lại theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004 là: 226,1m² đất (trong đó đất ở nông thôn: 160,75m², đất vườn: 65,35m²) thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có giá trị là: 1.532.375.000 đồng.

5. Chia cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp được quyền sử dụng chung 88,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 62,6m², đất vườn: 25,45m²) giáp thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Lê Thuận có vị trí, ranh giới, kích thước được giới hạn bởi các điểm: 2, 3, 13, 14, 2.

+ Chia cho ông Phạm Đăng Nam được quyền sử dụng 138,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 98,15m², đất vườn: 39,9m²) hợp chung với 226,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 160,75m², đất vườn: 65,35m²) của cụ Phạm Đăng Càng để lại và giao cho ông Nam được quyền sử dụng (sau khi trừ 53,5m² (do hiện trạng là 54,3m²) đất ở thuộc quyền sử dụng của ông Trần Lê Thuận tại thửa đất số 39 (1), tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có vị trí, kích thước, ranh giới được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 14, 15, 1).

+ Các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được quyền sở hữu các công trình kiến trúc do ông Nam xây dựng trên diện tích đất được chia gồm: 48,1m² nhà B1; 23,7m² sân bê tông; 4,4m² nhà tắm; 11,3m² nhà cấp 4 và phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Nam số tiền tổng cộng là: 20.843.673 đồng.

(Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)

+ Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, điều chỉnh biến động và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án. Người đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được Tòa án phân chia ở trên có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Anh Trần Lê Thuận được quyền tiếp tục sử dụng thửa đất số 39 (1), tờ bản đồ số 26, diện tích 53,5m²(đo hiện trạng là 54,3m²) tại địa chỉ: Thôn Giao Tát A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 655027 ngày 08/11/2010.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Hữu Tuynh. Buộc ông Phạm Đăng Nam, bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng và chị Phạm Thu Hiền phải thanh toán cho ông Phạm Hữu Tuynh số tiền: 1.700.000.000 đồng.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đăng Nam, bà Phạm Thị Bắc và bà Phạm Thị Phương.

- Bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp (Tập), mỗi người phải chịu 6.968.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Tiệp, mỗi người đã nộp số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm theo các biên lai số: 0002949, 0002950, 0003001 ngày 22/5/2017. Nay, bà Bắc được hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng; bà Phương và bà Tiệp, mỗi người phải nộp tiếp số tiền 968.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng, chị Phạm Thu Hiền, mỗi người phải chịu 15.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm, bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Tiệp – là nguyên đơn và ông Phạm Đăng Nam – là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Tiệp giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Phạm Quang Dũng đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đăng Nam rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Nam rút đơn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nam.

Về nội dung: Sau khi phân tích, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định, Tòa án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Càng nên tại cấp phúc thẩm không có căn cứ giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Tiệp và ông Phạm Đăng Nam trong thời hạn luật định. Các đương sự đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Vì vậy, kháng cáo là hợp lệ về hình thức.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Nam rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nam.

[2] Về nội dung

* Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

2.1 Về quan hệ huyết thống:

Xác định Cụ Phạm Đăng Càng, chết năm 1973. Cụ Càng có vợ là cụ Nguyễn Thị Cỏn, chết ngày 20/10/2004 là hôn nhân hợp pháp. Cụ Càng và cụ Cỏn sinh được 08 người con gồm: 1. Ông Phạm Đăng Việt, sinh năm 1952 (chết năm 1985); ông Việt có vợ là bà Nguyễn Thị Châm (chết năm 2010); ông Việt và bà Châm có 02 người con là Phạm Đăng Tiến và Phạm Đăng Quân; 2. Ông Phạm Đăng Nam, sinh năm 1954; 3. Bà Phạm Thị Bắc, sinh năm 1957; 4. Bà Phạm Thị Phương, sinh năm 1959; 5. Ông Phạm Đăng Dụ, sinh năm 1962; 6. Bà Phạm Thị Luyện, sinh năm 1966; 7. Bà Phạm Thị Tiệp, sinh năm 1970 và ông Phạm Đăng Thành, sinh năm 1972 (chết năm 1990 - chưa có vợ con).

Cụ Phạm Đăng Càng sống chung với cụ Nguyễn Thị Khí, chết năm 1986 là người thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Cụ Càng và cụ Khí sinh được 05 người con gồm: 1. Bà Phạm Thị Hương, sinh năm 1960; 2. Bà Phạm Thị Dẫn, sinh năm 1961; 3. Ông Phạm Đăng Dị, sinh năm 1963, chết năm 2013 (có vợ là bà Trần Thị Nhuận, sinh năm 1957 và hai con là anh Phạm Xuân Bách, sinh năm 1986 và anh Phạm Đăng Thảo, sinh năm 1995); 4. Ông Phạm Đăng Chuyền, sinh năm 1965 và ông Phạm Đăng Lập, sinh năm 1973.

Cụ Càng và cụ Khí không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới mà 2 cụ chỉ có quan hệ tình cảm với nhau và sinh được 05 người con chung như trên. Vì vậy, cụ Khí và cụ Càng không phải là vợ chồng hợp pháp.

2.2 Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị Cỏn:

Ngày 20/10/2004, cụ Nguyễn Thị Cỏn chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cỏn gồm: Anh Phạm Đăng Tiến và anh Phạm Đăng Quân là người thừa kế thế vị của ông Phạm Đăng Việt (chết năm 1985); Ông Phạm Đăng Nam; Bà Phạm Thị Bắc; Bà Phạm Thị Phương; Ông Phạm Đăng Dụ; Bà Phạm Thị Luyện; Bà Phạm Thị Tiệp.

2.3 Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Cỏn chết ngày 20/10/2004 nên thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Cỏn để lại là ngày 20/10/2004. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Như vậy, các đồng Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Cỏn là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2.4 Về di sản thừa kế:

Cụ Phạm Đăng Càng kết hôn với cụ Nguyễn Thị Cỏn từ trước những năm 1960, theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì: "*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*". Vì vậy, tài sản do các cụ tạo lập và có được trong thời gian từ sau khi hai cụ kết hôn đến trước khi cụ Càng chết năm 1973 là tài sản chung của hai cụ.

Theo các đồng Nguyên đơn trình bày, nguồn gốc của diện tích 422m² đất là đất 5% được Nhà nước cấp từ những năm 1960 cho bố mẹ các bà để canh tác. Đến khoảng năm 1973 do nhu cầu đất ở tăng cao nên Nhà nước có chủ trương chuyển đổi đất 5% sang thành đất ở. Do gia đình các bà lúc đó đông con nên đã được chuyển đổi toàn bộ đất 5% sang thành đất ở và gia đình các bà không được cấp đất giãn dân nữa. Đến khoảng năm 1985, mẹ các bà có nói miệng cho vợ chồng con cái ông Nam ra mảnh đất 5% để ở. Vợ chồng ông Nam đã xây nhà cấp 4 trên một phần diện tích đất, phần còn lại mẹ các bà vẫn tiếp tục canh tác. Năm 1992, vợ chồng ông Nam xây nhà mái bằng một tầng khoảng 60m² trên một phần đất khoảng 100m², phần còn lại mẹ các bà vẫn canh tác. Khi vợ chồng ông Nam xây nhà, các bà không có ý kiến gì vì mẹ các bà nói rằng sau này sẽ cho ông Nam một phần đất chứ không cho hết, phần còn lại sẽ cho em Thành.

Tuy nhiên, theo Bị đơn trình bày, nguồn gốc 422m² đất là đất giãn dân do Nhà nước cấp năm 1976 cho cả hộ gia đình gồm cụ Cỏn và các con. Khi cấp không rõ diện tích đất là bao nhiêu m² đến khi cấp Giấy chứng nhận thì thể hiện là 422m²

đất. Đến năm 1983, ông xây dựng gia đình thì cụ Cỏn đã phân chia đất cho các con trai bằng miệng mà không hề lập văn bản, giấy tờ gì. Thừa đất 422m² cụ Cỏn chia cho ông ½ và ông Thành lúc đó chưa lập gia đình ½ diện tích đất. Sau khi được chia đất, vợ chồng ông đã xây nhà cấp 4 để ở cùng công trình phụ, chuồng chăn nuôi. Năm 1992, sau khi ông Thành chết, vợ chồng ông xây 01 nhà mái bằng khoảng 50-60m² trên ½ đất được chia. Sau này, cụ Cỏn đã tuyên bố miệng cho anh Dũng là con trai của ông phân đất của ông Thành và không có giấy tờ gì. Gia đình ông ở và đóng thuế đất từ đó cho đến nay.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Theo công văn số 6672/VPĐKĐDGL ngày 31/10/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Chi nhánh huyện Gia Lâm cung cấp thông tin với nội dung như sau: Về nguồn gốc đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hộ ông Phạm Đăng Nam được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W314758 theo Quyết định số 930/QĐ-UB ngày 26/6/2003 tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 26, diện tích 422m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 300m², đất vườn: 122m²; thời hạn sử dụng lâu dài. Địa chỉ thửa đất: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm. Về nguồn gốc thửa đất: Theo biên bản xét duyệt ngày 08/11/2002 của Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Kim Sơn, thửa đất có nguồn gốc là *“Đất thổ cư cũ của bố mẹ, năm 1986 cho con thừa đất trên, diện tích 422m², đã đăng ký kê khai 299”*; tại đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận kê khai nguồn gốc sử dụng *“do bố mẹ cho sử dụng ổn định từ năm 1986”*.

- Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn ngày 20/3/2020: Theo Bản đồ đo đạc năm 1986-1987: Thửa đất của gia đình ông Nam thể hiện tại thửa đất số 540, tờ bản đồ số 04, diện tích 448m², bản đồ không thể hiện loại đất gì; sổ lập kèm theo do sơ xuất Ủy ban nhân dân xã không còn lưu giữ được trang này. Bản đồ đo đạc năm 1993-1994: Thửa đất của gia đình ông Nam thể hiện tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 26, diện tích 422m², bản đồ có thể hiện công trình nhà ở trên đất; sổ lập kèm theo ghi tên ông “Đăng Nam”. Theo Giấy chứng nhận số W314758 cấp ngày 26/6/2003 theo Quyết định số 930 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm thửa đất cấp mang tên hộ gia đình ông Phạm Đăng Nam với diện tích 422m². Theo hồ sơ kỹ thuật do Công ty cổ phần dịch vụ đo đạc và Tài nguyên môi trường nông nghiệp I đo đạc diện tích hiện trạng là 452,2m². Diện tích hiện trạng tăng 4,2m² so với diện tích thể hiện trên bản đồ đo đạc năm 1986-1987; tăng 30,2m² so với diện tích thể hiện trên bản đồ đo đạc năm 1993-1994 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là do sai số đo đạc tính toán chưa chính xác.

- Các tài liệu, sổ sách, hồ sơ địa chính còn lưu giữ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có tài liệu nào thể hiện diện tích 422m² đất đang tranh chấp là đất 5% hay đất giãn dân.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Diện tích 422m² (đo theo hiện trạng là 452,2m²) đất thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có nguồn gốc do cụ Phạm Đăng Càng và cụ Nguyễn Thị Cồn để lại (trong đó, đất ở nông thôn là 300m² = 71,1% (đo theo hiện trạng là 321,5m²), đất vườn là 122m² = 28,9% (đo theo hiện trạng là 130,7m²). Đây là tài sản chung của cụ Càng và cụ Cồn để lại, mỗi cụ được quyền sử dụng ½. Ông Nam cho rằng toàn bộ diện tích đất trên đã được cụ Cồn chia cho bằng miệng nhưng không có giấy tờ gì. Các anh chị em của ông Nam không thừa nhận việc cụ Cồn đã chia cho ông Nam được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và không biết việc hộ gia đình ông Nam được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích 422m² đất. Nay, các đồng Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Cồn để lại là có căn cứ chấp nhận.

2.5 Xét di chúc:

Các đồng Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Cồn theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004. Nội dung Giấy di chúc thể hiện như sau:

“Tên tôi là: Nguyễn Thị Cồn - 79 tuổi.

Có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Giao Tất A - xã Kim Sơn - Huyện Gia Lâm - Hà Nội. Xin trình bày với quý ban một việc như sau: Vợ chồng tôi sinh được 8 người con gồm 4 con trai và 4 con gái. (Chồng tôi là Phạm Đăng Càng đã mất từ năm 1973). Chúng tôi có 2 mảnh đất:

- Một mảnh gia đình tôi sử dụng từ năm 1948 với diện tích là 300m².

- Một mảnh là đất ruộng diện phần trăm được đổi thành đất Thổ cư từ năm 1976 tại đầu thôn Giao Tất - xã Kim Sơn với diện tích 422m². Vì nay tuổi đã cao tôi muốn di chúc cho các con, các cháu của tôi được sử dụng số đất trên, cụ thể là:

+ Mảnh đất có diện tích 300m² tôi chia cho cháu trưởng là: Phạm Đăng Tiến (vì con trai trưởng của tôi đã mất năm 1984) số đất với diện tích là 144m². Còn lại 156m² tôi chia cho con thứ 3 là: Phạm Đăng Dụ - Hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn Giao Tất - xã Kim Sơn (Mảnh đất này đã có giấy ủy quyền và đang tiến hành làm sổ đỏ).

+ Mảnh đất có diện tích 422m² tôi chia cho con trai thứ hai của tôi là: Phạm Đăng Nam - Một phần hai số đất trên là: 211m². Còn một phần hai (1/2) còn lại tức là 211m² tôi định chia cho con trai út của tôi là: Phạm Đăng Thành nhưng cháu đã mất năm 1990, vì vậy tôi quyết định chuyển số đất đó (211m²) cho các con gái tôi được quyền sử dụng cụ thể các cháu là:

- *Phạm Thị Bắc - sinh năm 1957*
- *Phạm Thị Phương - sinh năm 1959*
- *Phạm Thị Luyện - sinh năm 1966*
- *Phạm Thị Tiệp (Tập) - sinh năm 1970*

Vậy tôi viết di chúc này kính mong quý ủy ban - Ban địa chính xã Kim Sơn - Gia Lâm - Hà Nội, ông trưởng thôn xã Giao Tất A xem xét và xác nhận cho tôi để các con, các cháu tôi được sử dụng thuận tiện và hợp pháp. Tôi xin chân thành cảm ơn!”

Cuối Giấy di chúc cụ Nguyễn Thị Cỏn ký tên, có chữ ký của ông Phạm Đăng Khu là chú ruột và ông Phạm Đăng Nhu là chú họ của các đồng nguyên đơn và bị đơn chứng kiến. Ông Nam, bà Nguyễn Thị Châm (là vợ của ông Phạm Đăng Việt), ông Dụ, bà Phương, bà Tiệp và bà Bắc cùng ký vào Giấy di chúc. Ngày 13/10/2004, ông Bá Tuyên là trưởng thôn xác nhận những chữ ký trên là thực theo đề nghị của gia đình.

Những người có tên trong di chúc đều khẳng định đã ký vào Giấy di chúc. Ông Phạm Đăng Nam không thừa nhận chữ ký của ông trong Giấy di chúc và trong đơn đề nghị ngày 12/10/2004 và có đơn đề nghị Giám định chữ ký và tuổi mực văn bản. Tại Kết luận giám định số: 260/GĐKTHS-P11 ngày 02/12/2020 của Phòng Giám định KTHS-Bộ Quốc phòng kết luận: Chữ ký và chữ viết trong hai văn bản trên là do ông Phạm Đăng Nam ký và viết ra. Không xác định được chữ ký và chữ viết của ông Nam được ký và viết vào thời gian nào. Ông Phạm Đăng Nhu khẳng định đúng chữ ký của mình trong Giấy di chúc nhưng không nhớ ký khi nào và ký trong trường hợp nào, xác nhận nội dung gì vì thời gian đã lâu. Ông Phạm Đăng Khu cũng khẳng định có ký vào Giấy di chúc do cụ Cỏn đưa và cũng rõ cụ thể nội dung giấy ghi gì, lúc ký giấy chỉ có cụ Cỏn và ông Khu, ông Nhu còn sau này ai ký thêm vào lúc nào ông không biết.

Xét thấy: Về hình thức di chúc: Đây là di chúc bằng văn bản do bà Phạm Thị Bắc nhờ đánh máy theo ý của cụ Cỏn và anh em trong gia đình; cụ Cỏn không biết chữ nhưng vẫn ký được tên mình; thời điểm cụ Cỏn lập di chúc sức khỏe tuy có yếu nhưng vẫn hiểu rõ những việc mình làm. Giấy di chúc có ông Khu và ông Nhu là những người trong họ gần nắm bắt được rõ ràng các sự kiện trong gia đình cụ Cỏn là hai người làm chứng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật ký và chứng kiến. Tất cả các con của cụ Cỏn tuy là đối tượng không được làm chứng cũng đều ký vào Giấy di chúc nhưng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của di chúc mà càng khẳng định ý chí của cụ Cỏn tại thời điểm lập di chúc là hoàn toàn khách quan, đúng sự thật. Đến nay, bản gốc Giấy di chúc vẫn còn, chữ ký của những người ký trong Giấy di chúc là thật. Sau đó, trưởng thôn Giao Tất A cũng

ký xác nhận chữ ký của các bên vào ngày 13/10/2004. Bản thân ông Nam là người trực tiếp làm Đơn đề nghị ngày 12/10/2004 gửi Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn và thôn Giao Tất A về việc tách thửa đất 422m² đất theo nội dung Giấy di chúc và ông trưởng thôn Giao Tất A cũng ký xác nhận vào ngày 13/10/2004 (cùng với ngày ký xác nhận vào Giấy di chúc). Như vậy, Giấy di chúc lập ngày 08/9/2004 đảm bảo các điều kiện phù hợp với các quy định tại các Điều 655, 657, 659 của Bộ luật Dân sự 1995. Nay, ông Nam không thừa nhận Giấy di chúc là không phù hợp với sự thật khách quan tại thời điểm cụ Cỏn lập di chúc.

Về nội dung di chúc đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự 1995, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên, diện tích đất trên là tài sản chung của cụ Càng và cụ Cỏn nên một mình cụ Cỏn lập Giấy di chúc để định đoạt toàn bộ 422m² đất là không đúng quy định của pháp luật. Cụ Cỏn chỉ được quyền định đoạt đối với ½ thửa đất; Giấy di chúc chỉ có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Cỏn để lại nên hợp pháp một phần. Nay, các đồng Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Cỏn theo di chúc là có căn cứ nhưng chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện; cụ thể, cụ Cỏn chỉ được quyền định đoạt đối với ½ diện tích thửa đất là 422m² (đo theo hiện trạng là 452,2m²).

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn thì diện tích đất đo theo hiện trạng chênh lệch so với diện tích đất được công nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai số do đo đạc tính toán chưa chính xác. Mặt khác, thửa đất có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp với các hộ liền kề nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai 2013 xác định diện tích toàn bộ thửa đất để phân chia thừa kế là diện tích đất theo số đo hiện trạng là 452,2m² (trong đó, đất ở nông thôn là 321,5m², đất vườn là 130,7m²). Cụ Cỏn được quyền định đoạt ½ tài sản là 226,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn là 160,75m², đất vườn là 65,35m²). Đây là di sản thừa kế của cụ Cỏn để lại sẽ được chia theo di chúc.

Theo kết quả định giá tài sản, giá trị quyền sử dụng đất của cụ Cỏn để lại như sau: 160,75m² đất ở nông thôn x 7.500.000 đồng/m² = 1.205.625.000 đồng; 65,35m² đất vườn x 5.000.000 đồng/m² = 326.750.000 đồng. Tổng giá trị di sản là: 1.532.375.000 đồng.

2.6 Phân chia di sản thừa kế theo di chúc:

Xét Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Cỏn hợp pháp một phần nên thừa kế được chia theo di chúc đối với phần di sản của cụ Cỏn để lại. Di sản của cụ Cỏn để lại là 226,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn là 160,75m², đất vườn là 65,35m²) có giá trị: 1.532.375.000 đồng. Theo nội dung Giấy di chúc của cụ Cỏn thì ông Nam được hưởng ½ giá trị di sản; các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm

Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được hưởng chung $\frac{1}{2}$ giá trị di sản, mỗi bên được hưởng là 766.187.500 đồng (tương đương 113,05m² đất).

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 của Bộ luật Dân sự 2015 thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Quá trình chuẩn bị xét xử, qua thu thập chứng cứ thể hiện vợ chồng ông Nam là người đang trực tiếp quản lý, duy trì, nộp thuế sử dụng đất và sử dụng di sản của bố mẹ để lại từ nhiều năm nay.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm trích trả công sức duy trì, cải tạo, quản lý, bảo quản di sản cho ông Nam tương đương 50m² đất = 22,11% (trong đó, đất ở nông thôn: 35,55m², đất vườn: 14,45m²) là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thực tế. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Cồn để lại còn 176,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 125,2m², đất vườn: 50,89m²). Ông Nam được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị di sản; các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị di sản, mỗi bên được hưởng là: 88,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 62,6m², đất vườn: 25,45m²). Ông Nam được chia tổng cộng là 50m² + 88,05m² = 138,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 98,15m², đất vườn: 39,9m²). Các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được hưởng và yêu cầu được sử dụng chung cùng thửa đất có diện tích là 88,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 62,6m², đất vườn: 25,45m²).

Đối với 226,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 160,75m², đất vườn: 65,35m²) là di sản của cụ Phạm Đăng Càng đang do ông Phạm Đăng Nam đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Xét thấy, đến nay thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Càng để lại đã hết. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết chia thừa kế di sản của cụ Càng. Gia đình ông Nam là người đã và đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất từ nhiều năm nay. Do đó, cần giao cho ông Nam là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Càng được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất trên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

2.7 Chia hiện vật:

+ Chia cho bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp được quyền sử dụng chung 88,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 62,6m², đất vườn: 25,45m²) giáp thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Lê Thuận có vị trí, ranh giới, kích thước được giới hạn bởi các điểm: 2, 3, 13, 14, 2.

+ Chia cho ông Phạm Đăng Nam được quyền sử dụng 138,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 98,15m², đất vườn: 39,9m²) hợp chung với 226,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 160,75m², đất vườn: 65,35m²) của cụ Phạm Đăng Càng để lại

và giao cho ông Nam được quyền sử dụng (sau khi trừ 53,5m² (đo hiện trạng là 54,3m²) đất ở thuộc quyền sử dụng của ông Trần Lê Thuận tại thửa đất số 39 (1), tờ bản đồ số 26, địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có vị trí, kích thước, ranh giới được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 14, 15, 1).

+ Trên diện tích đất các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được chia có các công trình kiến trúc do ông Nam xây dựng gồm: 48,1m² nhà B1 trị giá: 14.476.560 đồng; 23,7m² sân bê tông trị giá: 4.374.783 đồng; 4,4m² nhà tắm trị giá: 558.360 đồng; 11,3m² nhà cấp 4 trị giá: 1.433.970 đồng. Nay, các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được giao quyền sở hữu các tài sản trên và phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Nam số tiền tổng cộng là 20.843.673 đồng.

(Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, điều chỉnh biến động và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án. Người đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được Tòa án phân chia ở trên có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Xét yêu cầu của người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Phạm Hữu Tuynh:***

Hợp đồng đặt cọc để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Hữu Tuynh (bên A) và hộ gia đình ông Nam gồm ông Phạm Đăng Nam, bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng và chị Phạm Thu Hiền (bên B) lập tại Văn phòng công chứng Gia Lâm ngày 13/9/2019 (số công chứng 4049/HĐDC, quyền số 01-TP/CC-CC/HĐGD), với nội dung: Hộ gia đình ông Phạm Đăng Nam đồng ý chuyển nhượng cho ông Phạm Hữu Tuynh 160m² đất ở với giá trị 2.700.000.000 đồng. Ông Tuynh đặt cọc trước 1.600.000.000 đồng; còn lại 1.100.000.000 đồng ông Tuynh có trách nhiệm thanh toán nốt cho gia đình ông Nam sau khi hoàn thiện việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bàn giao mặt bằng tại thực địa và đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên cho ông Tuynh vào ngày 12/10/2019.

Ngày 11/9/2019, ông Tuynh thông qua tài khoản của ông Lưu Văn Minh đã chuyển số tiền 1.660.000.000 đồng vào tài khoản của anh Phạm Quang Dũng (là con ông Nam) tại Ngân hàng TPBank để đặt cọc theo hợp đồng trên. Ngoài ra, ông Tuynh còn đưa tiền mặt cho ông Nam là 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa, hai bên

cũng xác định ông Tuynh đã chuyển giao cho gia đình ông Nam số tiền đặt cọc là: 1.700.000.000 đồng. Nay, ông Tuynh có đơn yêu cầu độc lập với nội dung:

+ Buộc ông Phạm Đăng Nam phải tiếp tục thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng đặt cọc số công chứng 4049/HĐDC ngày 13/9/2019 tại Văn phòng công chứng Gia Lâm.

+ Nếu gia đình ông Nam không thực hiện đúng hợp đồng đặt cọc trên thì đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Nam phải trả đủ số tiền đã nhận cọc là: 1.700.000.000 đồng.

Sau khi hai bên ký kết hợp đồng đặt cọc, do xảy ra tranh chấp về việc chia thừa kế giữa các anh chị em của ông Nam nên hai bên không ký được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Xét Hợp đồng đặt cọc trên đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 117, 118, 119, 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Nay, gia đình ông Nam không thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tuynh do là đất thừa kế chưa chia nên vi phạm Hợp đồng. Do đó, yêu cầu độc lập của ông Phạm Hữu Tuynh là có căn cứ nên chấp nhận. Vì vậy, hộ gia đình ông Nam gồm: Ông Phạm Đăng Nam, bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng và chị Phạm Thu Hiền phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Phạm Hữu Tuynh số tiền 1.700.000.000 đồng là có căn cứ.

**** Xét việc chuyển nhượng đất 53,5m² ở cho bà Huệ và ông Đạt:***

Năm 2010, hộ gia đình ông Nam đã chuyển nhượng quyền sử dụng 53,5m² đất ở cho anh Nguyễn Tiến Đạt ở tổ 29, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (đất nằm trong khối tài sản đang tranh chấp hiện nay). Các bên đã giao tiền, nhận đất và Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Tiến Đạt số BC 655027 ngày 8/11/2010 (thửa đất số 39(1), tờ bản đồ số 26, diện tích 53,5m², địa chỉ: Thôn Giao Tát A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội). Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Gia Lâm đã điều chỉnh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nam. Ngày 04/4/2011, anh Trần Lê Thuận đã nhận chuyển nhượng 53,5m² đất ở nói trên từ anh Nguyễn Tiến Đạt. Hai bên đã thực hiện việc chuyển nhượng và đăng ký sang tên ngày 22/4/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hà Nội - Chi nhánh huyện Gia Lâm theo đúng quy định của pháp luật; hai bên đã giao tiền, nhận đất đầy đủ không có tranh chấp gì.

Xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ gia đình ông Nam sang anh Nguyễn Tiến Đạt và từ anh Nguyễn Tiến Đạt sang anh Trần Lê Thuận đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật như đất đai đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng giữa các bên công khai, rõ ràng,

ngay tình. Vì vậy, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên có hiệu lực pháp luật và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hà Nội - Chi nhánh huyện Gia Lâm tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Anh Thuận đang là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất này được quyền tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất số 39(1), tờ bản đồ số 26, diện tích 53,5m² (đo hiện trạng là 54,3m²) tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 655027 ngày 08/11/2010.

Hộ gia đình ông Nam đã chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất có diện tích 53,5m² (đo hiện trạng là 54,3m²) nằm trong khối di sản thừa kế của cụ Càng và cụ Cón để lại sẽ được trừ vào kỷ phần thừa kế mà ông Nam được hưởng khi được chia thừa kế.

**** Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Phạm Đăng Nam:***

Quá trình khởi kiện, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đồng Nguyên đơn và các đương sự khác đều không có yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Nam nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Quan điểm của đại diện VKSNDTP Hà Nội chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ các Điều 655, 656, 657, 659 của Bộ luật Dân sự 1995; Các Điều 117, 118, 119, 328, 623 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai 2013; khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 273, Điều 289, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đăng Nam.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương và Phạm Thị Tiệp (Tập) đối với ông Phạm Đăng Nam.

3. Xác định Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Nguyễn Thị Cỏn để lại hợp pháp một phần.

4. Cụ Nguyễn Thị Cỏn chết ngày 20/10/2004; thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Cỏn để lại là ngày 20/10/2004. Những người thừa kế theo di chúc của cụ Cỏn gồm: Ông Phạm Đăng Nam, bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp (Tập).

5. Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị Cỏn để lại theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004 là: 226,1m² đất (trong đó đất ở nông thôn: 160,75m², đất vườn: 65,35m²) thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có giá trị là: 1.532.375.000 đồng.

6. Chia cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp được quyền sử dụng chung 88,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 62,6m², đất vườn: 25,45m²) giáp thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Trần Lê Thuận có vị trí, ranh giới, kích thước được giới hạn bởi các điểm: 2, 3, 13, 14, 2.

+ Chia cho ông Phạm Đăng Nam được quyền sử dụng 138,05m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 98,15m², đất vườn: 39,9m²) hợp chung với 226,1m² đất (trong đó, đất ở nông thôn: 160,75m², đất vườn: 65,35m²) của cụ Phạm Đăng Càng để lại và giao cho ông Nam được quyền sử dụng (sau khi trừ 53,5m² (đo hiện trạng là 54,3m²) đất ở thuộc quyền sử dụng của ông Trần Lê Thuận tại thửa đất số 39 (1), tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có vị trí, kích thước, ranh giới được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 14, 15, 1).

+ Các bà Phạm Thị Bắc, Phạm Thị Phương, Phạm Thị Luyện và Phạm Thị Tiệp được quyền sở hữu các công trình kiến trúc do ông Nam xây dựng trên diện tích đất được chia gồm: 48,1m² nhà B1; 23,7m² sân bê tông; 4,4m² nhà tắm; 11,3m² nhà cấp 4 và phải thanh toán giá trị tài sản cho ông Nam số tiền tổng cộng là: 20.843.673 đồng.

(Có sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo)

+ Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, điều chỉnh biến động và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai theo quyết định của bản án. Người đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được Tòa án phân chia ở trên có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Anh Trần Lê Thuận được quyền tiếp tục sử dụng thửa đất số 39 (1), tờ bản đồ số 26, diện tích 53,5m²(đo hiện trạng là 54,3m²) tại địa chỉ: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 655027 ngày 08/11/2010.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Hữu Tuynh. Buộc ông Phạm Đăng Nam, bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng và chị Phạm Thu Hiền phải thanh toán cho ông Phạm Hữu Tuynh số tiền: 1.700.000.000 đồng.

7. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đăng Nam, bà Phạm Thị Bắc và bà Phạm Thị Phương.

- Bà Phạm Thị Luyện và bà Phạm Thị Tiệp (Tập), mỗi người phải chịu 6.968.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương, bà Phạm Thị Tiệp, mỗi người đã nộp số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm theo các biên lai số: 0002949, 0002950, 0003001 ngày 22/5/2017. Nay, bà Bắc được hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng; bà Phương và bà Tiệp, mỗi người phải nộp tiếp số tiền 968.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Lịch, anh Phạm Quang Dũng, chị Phạm Thu Hiền, mỗi người phải chịu 15.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Phạm Hữu Tuynh số tiền 30.900.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số: 0005268 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đăng Nam, bà Phạm Thị Bắc, bà Phạm Thị Phương.

Bà Phạm Thị Tiệp phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0072759 ngày 20/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực kể từ ngày 17/6/2022.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Viện kiểm sát TP Hà Nội;
- Tòa án huyện Gia Lâm
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP

Lê Thanh Bình

Căn cứ Hủy án:

Di chúc của cụ Cỏn ngày 8/9/2004 được đánh máy có nội dung: *Cụ Cỏn và cụ Càng có mảnh đất ruộng diện % được đổi thành đất thổ cư từ năm 1976 tại thôn Giao Tất- Kim Sơn với diện tích 422m². Nay tuổi cao tôi muốn di chúc cho các con, cháu của tôi được sử dụng số đất trên: Phạm Đăng Nam ½ số đất trên là 211m². Còn ½ còn lại là 211m² tôi định cho con trai út của tôi là Phạm Đăng Thành nhưng cháu đã mất năm 1990, vì vậy tôi quyết định chuyển số đất đó 211m² cho các con gái tôi được quyền sử dụng là các cháu: Bắc, Phương, Luyện, Tập. Di chúc có chữ kí Cỏn, Lam, Chăm, Dụ, Phương, Tiệp, Bắc. Có hai người làm chứng là ông Phạm Đăng Nhu và ông Phạm Đăng Nhu và có xác nhận của ông Tuyền là trưởng thôn Giao Tất ngày 13/10/2004.*

Theo nhân chứng là ông Khu thì trước khi chết cụ Cỏn ốm thập tử nhất sinh, cụ Cỏn bị ung thu thực quản nên nói không rõ, Về ý nguyện của bà Cỏn trước khi chết về tài sản ông không rõ, ông khẳng định cụ Cỏn không biết chữ. Theo nguyên đơn thì cụ Cỏn kí được tên và cụ Cỏn không có mẫu chữ nào để giám định. Nhận

thấy, theo lời khai của các đương sự có căn cứ xác định cụ Cỏn không biết chữ nhưng di chúc không được công chứng hoặc chứng thực là vi phạm qui định tại khoản 3 điều 655BLDS 1995, cụ Cỏn viết di chúc tháng 9/2004 và đến tháng 10/2004 cụ chết, tại thời điểm viết di chúc cụ đã rất ốm yếu. Cụ Cỏn không kí và điểm chỉ trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng chỉ kí vào di chúc mà không xác nhận chữ kí của người lập di chúc là vi phạm điều 659 BLDS1995. Vì vậy xác định di chúc trên không có hiệu lực. Do đó không có căn cứ chia thừa kế theo di chúc như yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ Cỏn và chia thừa kế theo di chúc đối với di sản thừa kế của cụ Cỏn là không phù hợp qui định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Cỏn là 422m² tại thôn Giao Tất- Kim Sơn- Gia Lâm- Hà Nội , nhận thấy: Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa Tòa án chia di sản thừa kế 422m² đất của cụ Cỏn để lại theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Cỏn. Nếu trong trường hợp Giấy di chúc trên không được chấp nhận thì các đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Cỏn để lại theo pháp luật. Như phân tích trên thấy, diện tích 422m² đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Cỏn và cụ Càng, di chúc của cụ Cỏn không có hiệu lực nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Tòa án sơ thẩm xác định di sản của cụ Cỏn là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên để chia thừa kế và xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của cụ Càng đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và không ai yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Càng nên giao cho gia đình ông Nam quản lý và sử dụng diện tích đất của cụ Càng là không có căn cứ, bởi lẽ:

Về thời hiệu chia thừa kế của cụ Càng: Cụ Càng chết 1973, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế được tính từ ngày pháp lệnh thừa kế có hiệu lực là ngày 10/9/1990. Theo điều 623BLDS2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Càng đến 10/9/2020. Năm 2017 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là còn trong thời hiệu.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế toàn bộ thửa đất 422m² (theo GCNQSD đất) đất nhưng lại xác định toàn bộ diện tích đất đó là của cụ Cỏn. Như vậy thấy do nguyên đơn nhận thức không đầy đủ nên xác định toàn bộ diện tích trên là của cụ Cỏn mà không biết rằng đó là di sản thừa kế của cụ Cỏn và cụ Càng, nhưng ý chí của nguyên đơn là mong muốn được chia thừa kế toàn bộ diện tích đất trên. Do đó

việc Tòa án sơ thẩm không xem xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Càng trong vụ án này là không giải quyết đúng yêu cầu của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Mặt khác, tại thời điểm nguyên đơn

VIỆN KSND TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

VIỆN KSND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số /PB-VKS-P9

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

khởi kiện chia thừa kế thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Càng vẫn còn, nếu yêu cầu này không được giải quyết trong cùng vụ án mà giải quyết trong vụ kiện khác thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Càng đã hết nên các đương sự không có quyền yêu cầu chia thừa kế của cụ Càng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

PHÁT BIỂU

Của Kiểm sát viên tại phiên tòa (phiên họp) phúc thẩm

Căn cứ Điều 27 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ các điều 21, 58, 306 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 30 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hôm nay, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án dân sự về *Tranh chấp chia thừa kế*, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị Bắc, sinh năm 1957;

Trú tại: Tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

2. Bà Phạm Thị Phương, sinh năm 1959;

Trú tại: Thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

3. Bà Phạm Thị Tiệp, sinh năm 1970;

Trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

*** Bị đơn: Ông Phạm Đăng Nam**, sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nam là anh Phạm Quang Dũng, sinh năm 1986

Cùng trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội;

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Phạm Hữu Tuynh**, sinh năm 1964; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Số 7, ngõ 92 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Đăng Dự, sinh năm 1962; trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

2. Bà Phạm Thị Luyện, sinh năm 1966; trú tại: Số 134/17 đường Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Anh Phạm Đăng Tiến, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

4. Anh Phạm Đăng Quân, sinh năm 1981; trú tại: Trường May Lê Chi, thôn Cổ Giang, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

5. Bà Nguyễn Thị Lịch, sinh năm 1961;

6. Anh Phạm Quang Dũng, sinh năm 1986;

7. Chị Phạm Thu Hiền, sinh năm 1984;

8. Chị Lê Thị Hường, sinh năm 1992;

Cùng trú tại: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

9. Bà Phạm Thị Hương, sinh năm 1960;

10. Bà Phạm Thị Dẫn, sinh năm 1961;

11. Ông Phạm Đăng Chuyên, sinh năm 1965;

12. Ông Phạm Đăng Lập, sinh năm 1973;

Cùng trú tại: Thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;

13. Bà Trần Thị Nhuận, sinh năm 1957;.

14. Anh Phạm Xuân Bách, sinh năm 1986;

15. Anh Phạm Đăng Thảo, sinh năm 1995;

Cùng trú tại: Thôn Tứ Cờ, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;

16. Anh Nguyễn Tiến Đạt, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 29, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

17. Chị Nguyễn Bích Huệ, sinh năm 1983; trú tại: P1502, CT1 Khu chung cư Hyundai, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

18. Anh Trần Lê Thuận, sinh năm 1984;

19. Chị Mai Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thành Trung, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm về *Tranh chấp chia thừa kế*, kháng cáo của bà Bắc, bà Phương, bà Tiệp, kết quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và tham gia phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến như sau:

I. VỀ VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án

Các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm:

- *Về thẩm quyền*: Bản án sơ thẩm của Tòa án quận Hà Đông bị kháng cáo. Căn cứ Điều 38 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án Hà Nội đã thụ lý phúc thẩm và giải quyết đúng thẩm quyền.

- *Về thụ lý và thông báo thụ lý*: Sau khi thụ lý, Thẩm phán đã Thông báo việc thụ lý cho đương sự và VKS theo đúng thời hạn pháp luật qui định.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử*: Ngày 12/11/2021 Tòa án đã thụ lý vụ án, ngày Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo qui định Điều 286 BLTTDS. Sau khi ra Quyết định xét xử Tòa án đã chuyển quyết định và hồ sơ cho VKS theo đúng qui định tại Điều 292 BLTTDS.

- Triệu tập đầy đủ những người tham gia XXPT theo quy định tại Đ294 BLTTDS

- Trình tự diễn biến tại phiên tòa đúng theo các quy định tại Đ 297, Đ 298, Đ 302, Đ 303, Đ 305, Đ 306 của BLTTDS;

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

Bà Bắc, bà Phương, bà Tiệp có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo phù hợp về hình thức.

II. VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Xét nguồn gốc thửa đất: Theo các đồng Nguyên đơn nguồn gốc của diện tích 422m² đất là đất 5% được Nhà nước cấp từ những năm 1960 cho bố mẹ các bà để canh tác. Đến khoảng năm 1973 do nhu cầu đất ở tăng cao nên Nhà nước có chủ trương chuyển đổi đất 5% sang thành đất ở. Do gia đình các bà lúc đó đông con nên đã được chuyển đổi toàn bộ đất 5% sang thành đất ở và gia đình các bà không được cấp đất giãn dân nữa. Theo bị đơn, nguồn gốc 422m² đất là đất giãn dân do Nhà nước cấp năm 1976 cho cả hộ gia đình gồm cụ Cồn và các con. Khi cấp không rõ diện tích đất là bao nhiêu m² đến khi cấp Giấy chứng nhận thì thể hiện là 422m² đất.

Theo công văn số 6672/VPĐKĐĐGL ngày 31/10/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Chi nhánh huyện Gia Lâm cung cấp thông tin với nội dung như sau: Theo biên bản xét duyệt ngày 08/11/2002 của Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Kim Sơn cho ông Nam, thửa đất có nguồn gốc là “*Đất thổ cư cũ của bố mẹ, năm 1986 cho con thừa đất trên diện tích 422m², đã đăng ký kê khai 299*”; Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 1/4/2002, ông Nam kê khai nguồn gốc đất “*bố mẹ chia cho sử dụng ổn định từ năm 1986*”

Tại bản di chúc của cụ Cồn ngày 8/9/2004 có chữ kí của các con thể hiện cụ Cồn, cụ Càng có “*Mảnh đất ruộng % được đổi thành đất thổ cư từ năm 1976 tại thôn Giao Tất, Kim Sơn với diện tích 422m²*”.

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn ngày 20/3/2020: Theo Bản đồ đo đạc năm 1986-1987: Thửa đất của gia đình ông Nam thể hiện tại thửa đất số 540, tờ bản đồ số 04, diện tích 448m², bản đồ không thể hiện loại đất gì; sổ lập kèm theo do sơ xuất Ủy ban nhân dân xã không còn lưu giữ được trang này. Bản đồ đo đạc năm 1993-1994: Thửa đất của gia đình ông Nam thể hiện tại thửa đất số

39, tờ bản đồ số 26, diện tích 422m², bản đồ có thể hiện công trình nhà ở trên đất; sổ lập kèm theo ghi tên ông “Đặng Nam”. Theo Giấy chứng nhận số W314758 cấp ngày 26/6/2003 theo Quyết định số 930 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm thừa đất cấp mang tên hộ gia đình ông Phạm Đăng Nam với diện tích 422m².

Như vậy thấy, theo bản đồ còn lưu trữ tại UBND xã không thể hiện nguồn gốc thửa đất của cụ Cỏn và cụ Càng nhưng căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu trên có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của cụ Cỏn và cụ Càng.

- Xét yêu cầu chia thừa kế của cụ Cỏn theo di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Cỏn, nhận thấy: Di chúc của cụ Cỏn ngày 8/9/2004 được đánh máy có nội dung: *Cụ Cỏn và cụ Càng có mảnh đất ruộng diện tích % được đổi thành đất thổ cư từ năm 1976 tại thôn Giao Tất- Kim Sơn với diện tích 422m². Nay tuổi cao tôi muốn di chúc cho các con, cháu của tôi được sử dụng số đất trên: Phạm Đăng Nam ½ số đất trên là 211m². Còn ½ còn lại là 211m² tôi định cho con trai út của tôi là Phạm Đăng Thành nhưng cháu đã mất năm 1990, vì vậy tôi quyết định chuyển số đất đó 211m² cho các con gái tôi được quyền sử dụng là các cháu: Bắc, Phương, Luyện, Tập. Di chúc có chữ kí Cỏn, Lam, Chấm, Dụ, Phương, Tiệp, Bắc. Có hai người làm chứng là ông Phạm Đăng Nhu và ông Phạm Đăng Khu và có xác nhận của ông Tuyên là trưởng thôn Giao Tất ngày 13/10/2004.*

Điều 655 BLDS 1995 Di chúc hợp pháp

1- Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

...

3- Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Theo nhân chứng là ông Khu thì trước khi chết cụ Cỏn ốm thập tử nhất sinh, cụ Cỏn bị ung thư thực quản nên nói không rõ, Về ý nguyện của bà Cỏn trước khi chết về tài sản ông không rõ, ông khẳng định cụ Cỏn không biết chữ. Theo nguyên đơn thì cụ Cỏn kí được tên và cụ Cỏn không có mẫu chữ nào để giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng xác định cụ Cỏn không biết chữ, chỉ viết được chữ Cỏn. Nhận thấy, theo lời khai của các đương sự có căn cứ xác định cụ Cỏn không biết chữ nhưng di chúc không được công chứng hoặc chứng thực là vi

phạm qui định tại khoản 3 điều 655BLDS 1995, cụ Cỏn viết di chúc tháng 9/2004 và đến tháng 10/2004 cụ chết, tại thời điểm viết di chúc cụ đã rất ốm yếu. Cụ Cỏn không kí và điếm chỉ trước mặt những người làm chứng, những người làm chứng chỉ kí vào di chúc mà không xác nhận chữ kí của người lập di chúc là vi phạm điều 659 BLDS1995. Vì vậy xác định di chúc trên không có hiệu lực. Do đó không có căn cứ chia thừa kế theo di chúc như yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ Cỏn và chia thừa kế theo di chúc đối với di sản thừa kế của cụ Cỏn là không phù hợp qui định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Cỏn là 422m² tại thôn Giao Tất- Kim Sơn- Gia Lâm- Hà Nội , nhận thấy: Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa Tòa án chia di sản thừa kế 422m² đất của cụ Cỏn để lại theo Giấy di chúc ngày 08/9/2004 của cụ Cỏn. Nếu trong trường hợp Giấy di chúc trên không được chấp nhận thì các đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Cỏn để lại theo pháp luật. Như phân tích trên thấy, diện tích 422m² đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Cỏn và cụ Càng, di chúc của cụ Cỏn không có hiệu lực nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Tòa án sơ thẩm xác định di sản của cụ Cỏn là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên để chia thừa kế và xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của cụ Càng đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và không ai yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Càng nên giao cho gia đình ông Nam quản lý và sử dụng diện tích đất của cụ Càng là không có căn cứ, bởi lẽ:

Về thời hiệu chia thừa kế của cụ Càng: Cụ Càng chết 1973, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế được tính từ ngày pháp lệnh thừa kế có hiệu lực là ngày 10/9/1990. Theo điều 623BLDS2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Càng đến 10/9/2020. Năm 2017 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là còn trong thời hiệu.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế toàn bộ thừa đất 422m² (theo GCNQSD đất) đất nhưng lại xác định toàn bộ diện tích đất đó là của cụ Cỏn. Như vậy thấy do nguyên đơn nhận thức không đầy đủ nên xác định toàn bộ diện tích trên là của cụ Cỏn mà không biết rằng đó là di sản thừa kế của cụ Cỏn và cụ Càng, nhưng ý chí của nguyên đơn là mong muốn được chia thừa kế toàn bộ diện tích đất trên. Do đó việc Tòa án sơ thẩm không xem xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Càng trong vụ án này là không giải quyết đúng yêu cầu của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Mặt khác, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Càng vẫn còn, nếu yêu cầu này không được giải quyết trong cùng vụ án mà giải quyết trong vụ kiện khác thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Càng đã hết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên thấy, do Tòa án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Càng nên tại cấp phúc thẩm không có căn cứ giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Nam rút đơn kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của ông Nam.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 792020/DSST ngày 29/7/2021 của TAND huyện Gia Lâm.

III. YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC VI PHẠM (NẾU CÓ)

Không

Trên đây là ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân...(2)...về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án (việc)...(6)...nêu trên.

Nơi nhận:

- Tòa án xét xử phúc thẩm;
- Lãnh đạo cơ quan, đơn vị phụ trách (để báo cáo);
- Lưu: VT, HSKS.

KIỂM SÁT VIÊN